

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG THI CÔNG XÂY DỰNG

Số: 32/2015/HDXD – NK

V/v: **THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO NHÀ XƯỞNG CÔNG TY TNHH
CHANGDAE VINA**

- Căn cứ luật xây dựng số 16/2001-QHII ngày 26/11/2003 của Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 4;
 - Luật đấu thầu số 6/2005-QHII ngày 29 tháng 11 năm 2005, của Quốc hội khóa...
 - Căn cứ nghị định số 111/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 09 năm 2006 của Chính Phủ hướng dẫn thi hành luật đấu thầu và lựa chọn Nhà thầu.
 - Căn cứ nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13 tháng 06 năm 2007 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
 - Căn cứ thông tư số 06/2007/TT-BXD ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Bộ xây dựng hướng dẫn hợp đồng trong hoạt động xây dựng.
 - Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, nhu cầu và khả năng của hai bên
- Hôm nay, ngày 03 tháng 11 năm 2015 Tại trụ sở CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG HIỀN AN.**

Chúng tôi gồm:

1. Bên giao thầu (Gọi tắt là bên A): CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG HIỀN AN

- Do Ông : **LƯƠNG VĂN BẮC** Chức vụ: Giám đốc làm đại diện
- Địa chỉ : 39/P2 Ấp Bình Hòa, Hóa An, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai.
- Điện thoại : 0918520965 Fax: 061.8870111
- Tài khoản số : 1000046626 tại NHTM Cổ Phần SHB CN Biên Hòa, Đồng Nai.
- Mã số thuế : 3600322445

2. Bên nhận thầu (Gọi tắt là bên B): CÔNG TY TNHH XNK NGUYỄN KHANG

- Ông : **NGÔ VĂN THÀNH** Chức vụ: P.Giám đốc làm đại diện
- Điện thoại : 0902321661 Fax: 061.3898623
- Mã số thuế : 0312086267
- Địa chỉ : 352 Trường Sa, P2, Q. Phú Nhuận, TP. HCM
- Tài khoản : 050041106767 tại Ngân hàng SACOMBANK – CN Biên Hòa.

Sau khi xem xét nhu cầu và năng lực của hai bên, Bên A đồng ý giao cho Bên B và Bên B đồng ý nhận thầu xây lắp công trình cho Bên A, đồng thời hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng kinh tế giao nhận thầu xây lắp công trình với các điều khoản sau đây:

Điều I: TÀI LIỆU HỢP ĐỒNG

Các tài liệu sau đây được xem là một phần không thể tách rời của hợp đồng:

1. Hồ sơ thiết kế kỹ thuật công trình do Bên A cung cấp.
2. Dự toán khối lượng và kinh phí thi công do Bên B lập.

Điều II: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

1. Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thầu xây lắp công trình theo đúng *Hồ sơ thiết kế kỹ thuật công trình* do Bên A cung cấp, theo hình thức hợp đồng khoán gọn toàn bộ vật tư và công nhân xây lắp toàn bộ công trình. Các hạng mục và khối lượng công việc được liệt kê chi tiết ở *Dự toán khối lượng và kinh phí thi công*.

Địa điểm xây dựng: Công ty TNHH CHANGDAE VINA tại KCN AMATA, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai.

2. Bên B không chịu trách nhiệm thi công bất kỳ hạng mục công việc nào (cung cấp vật tư và nhân công) không có trong hồ sơ thiết kế và dự toán được duyệt. Bên B không chịu trách nhiệm về chất lượng những vật tư mà bên A cấp.

3. Bên B chịu trách nhiệm cung cấp vật tư đúng đủ số lượng, chủng loại và đảm bảo chất lượng theo đúng hồ sơ thiết kế (Phần vật tư do bên B cấp). Thi công đúng theo hồ sơ thiết kế đảm bảo chất lượng tốt và tiến độ đặt ra.

4. Bên B chịu trách nhiệm bảo hành công trình trong thời gian 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu và bàn giao công trình cho bên A.

Điều 3: TIẾN ĐỘ THI CÔNG

1. Ngày khởi công: 01/11/2015

2. Thời gian thi công là kể từ ngày 01/11/2015 đến ngày 01/03/2016. Bên B sẽ cập nhật hàng ngày tiến độ thi công theo tình hình thực tế tại công trường để trình Bên A theo dõi và lập hồ sơ nhật ký công trình hàng ngày để Bên A kiểm tra.

3. Thời gian thi công sẽ được gia hạn thêm trong các trường hợp sau đây:

- Phát sinh khối lượng thi công so với hợp đồng đã ký kết (do yêu cầu của Bên A)
- Chậm trễ thi công do thay đổi thiết kế hoặc phát sinh các vấn đề kỹ thuật liên quan đến thiết kế phải chờ Bên A giải quyết.

- Chậm trễ thi công do Bên A không đáp ứng kịp thời các đề nghị cung cấp thông tin, đề nghị phê duyệt vật tư hoặc đề nghị kiểm tra, nghiệm thu...v,v liên quan đến hạng mục thi công bị chậm trễ.

- Tạm ngưng thi công do các trở ngại khách quan và bất khả kháng như thời tiết quá xấu, do yêu cầu Bên A, hoặc của chính quyền địa phương...v.v

- Thời gian gia hạn căn cứ vào thời gian chậm trễ, thực tế thi công và các xác nhận hoặc thỏa thuận trước giữa hai bên.

4. Trong trường hợp thay đổi tiến độ thi công hoặc gia hạn thời gian thi công. Bên A và Bên B phải thỏa thuận bằng văn bản, và các văn bản này được xem như một phụ lục của hợp đồng.

Điều 4: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1. Hình thức hợp đồng:

- Bên A và Bên B ký kết hợp đồng giao nhận thầu xây lắp theo hình thức khoán gọn vật tư và nhân công xây lắp toàn bộ công trình với các đặc điểm sau đây:

- Giá trị hợp đồng là giá trị khoán gọn và sẽ không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng với điều kiện Bên B chỉ thi công theo Hồ sơ thiết kế kỹ thuật công trình do Bên A cung cấp ban đầu.

- Mọi biến động về giá cả vật liệu xây dựng trên thị trường trong suốt thời gian thi công sẽ không làm ảnh hưởng đến giá trị hợp đồng khoán gọn bao gồm: Thép xây dựng, sắt hộp gia công của khung sắt, lan can, khung dân li tô lợp ngói, gỗ (cửa gỗ, tay vịn cầu thang, tủ bếp...) vật tư thiết bị điện, vật tư thiết bị nước, gạch xây...

- Việt quyết toán hợp đồng đối với các hạng mục khoán gọn trong các trường hợp không có phát sinh sẽ không căn cứ trên khối lượng thi công thực tế của các hạng mục này mà chỉ căn cứ trên mức độ hoàn thành công việc của từng hạng mục. Quyết toán khối lượng thi công thực tế chỉ được áp dụng đối với phần phát sinh thuộc các hạng mục khoán gọn hoặc các hạng mục phát sinh mới trong quá trình thi công.

4.2. Giá trị hợp đồng:

- Hai bên thống nhất giá trị hợp đồng là: **46.000.000.000 đồng** Bằng chữ: **Bốn mươi sáu tỷ đồng chẵn** (Đã bao gồm thuế VAT).

- Chi phí của Nhà thầu để hoàn thành công việc theo Hồ sơ thiết kế.

- Các chi phí cho các biện pháp phục vụ thi công, các hao hụt khác khi thi công. Các lệ phí cầu đường (ngoại trừ việc Bên A cung cấp nguồn điện và nước cho Bên B).

- Giá trị hợp đồng trên đây không bao gồm vật tư và nhân công của bất kỳ hạng mục công việc nào không có trong hồ sơ thiết kế, và không bao gồm các công tác phát sinh quy định tại điều 4.3 dưới đây.

- Trong quá trình thi công nếu cứ phát sinh tăng hoặc giảm khối lượng xây lắp, hai bên cùng bàn bạc và thỏa thuận bằng văn bản và ghi nhận ký công trình. Khối lượng phát sinh hợp lý được điều chỉnh vào quyết toán công trình sau này.

4.3. Công tác phát sinh:

- Bên B xác nhận đã nghiên cứu kỹ Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công do Bên A cấp và Dự toán khối lượng và kinh phí thi công do Bên B lập và đảm bảo rằng không có bất kỳ một khoản phát sinh nào nếu trong quá trình Bên B thi công công trình không có sự thay đổi nào so với Hồ sơ thiết kế.

Trong trường hợp Bên A yêu cầu thay đổi về chủng loại vật tư so với dự toán thi công, kèm theo hợp đồng thì được xem là công tác phát sinh, những khối lượng công việc thực tế do Bên B thực hiện tại công trình, chủng loại vật tư thực tế cung cấp cho công trình đối với những thay đổi này được xem là khối lượng phát sinh.

- Trước khi thực hiện công tác phát sinh, Bên B phải lập cho Bên A bằng văn bản các vấn đề liên quan đến công tác phát sinh, bao gồm:

. Mô tả chi tiết công tác phát sinh.

. Khối lượng công tác phát sinh.

. Chi phí thực hiện công tác phát sinh, bao gồm cả đơn giá vật tư và nhân công.

. Thời gian cần gia hạn để thực hiện công tác phát sinh.

ĐKKD
XÃ
HIỆ
02

12C
CC
ACH
QUAT
NGU
VHUA

. Bên B chỉ được tiến hành thực hiện các công tác phát sinh sau khi đã nhận được thông báo chấp thuận của Bên A bằng văn bản về khối lượng, đơn giá và thời gian thực hiện công tác phát sinh như đã đề cập trên đây.

4.4. Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán cho Bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo từng giai đoạn như sau:

- Đợt 1: Sau khi ký hợp đồng, tạm ứng 20% giá trị hợp đồng.
- Đợt 2: Sau khi Bên B hoàn tất 30% khối lượng công việc, Bên A tạm ứng 30% giá trị hợp đồng.
- Đợt 3: Sau khi Bên B hoàn tất 50% khối lượng công tác thi công, Bên A thanh toán cho Bên B 30% giá trị hợp đồng.
- Đợt 4: Sau khi Bên A hoàn thành 80% khối lượng công việc, Bên A thanh toán cho Bên B 17% giá trị hợp đồng.
- Bên A thanh toán cho Bên B toàn bộ số tiền bảo hành công trình là 3% giá trị hợp đồng sau khi kết thúc thời gian bảo hành công trình.

Chi phí phát sinh (nếu có) chỉ được thanh toán khi quyết công trình, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Điều 5: KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG, NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO CÔNG TRÌNH.

5.1. Vật tư:

- Vật tư do Bên B cung cấp để sử dụng cho công trình đều phải đảm bảo yêu cầu về quy cách và chất lượng đúng theo Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công công trình, phải được trình mẫu / catalogue cho Bên A phê duyệt khi có yêu cầu, và Bên B chỉ được phép sử dụng sau khi nhận được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A.
- Trong trường hợp cần phải thay đổi chủng loại vật tư đã được chỉ định do không tìm được nguồn cung cấp trên thị trường tại thời điểm cần sử dụng. Bên B phải đề nghị loại vật tư chất lượng tương (kèm theo chi phí phát sinh tăng giảm nếu có) để Bên A xem xét.
- Bên B chỉ được thay thế chủng loại vật tư sau khi nhận được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A.
- Bên A có trách nhiệm phúc đáp kịp thời các yêu cầu phê duyệt vật liệu của Bên B, sau thời gian 2 ngày kể từ khi Bên B trình cho Bên A văn bản yêu cầu phê duyệt vật liệu (Bên A xác nhận nhận được văn bản yêu cầu), nếu Bên A không xác nhận ý kiến vào văn bản yêu cầu của Bên B hoặc không có chỉ thị nào khác bằng văn bản cho Bên B thì xem như Bên A đã chấp thuận vật liệu do Bên B đề nghị, và do đó Bên B có quyền sử dụng vật liệu này để triển khai công việc mà không cần phải chờ thêm bất kỳ một chỉ thị nào khác từ Bên A.
- Sau khi Bên B đã mua vật tư được Bên A phê duyệt để chuẩn bị thi công, nếu Bên A yêu cầu thay đổi chủng loại vật tư thì Bên A phải chịu toàn bộ mọi chi phí liên quan đến khối lượng vật tư đã mua nhưng không sử dụng theo các hóa đơn mua và vận chuyển vật tư do Bên B cung cấp.

5.2. Kỹ thuật thi công:

- Bên B phải chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật và chất lượng xây lắp toàn bộ công trình, đảm bảo thi công đúng theo thiết kế và phù hợp với dự toán, đúng quy trình quy phạm, các yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật và tiêu chuẩn chất lượng quy định trong Hồ sơ thiết kế kỹ thuật công trình.

- Trong trường hợp Hồ sơ thiết kế kỹ thuật công trình không quy định cụ thể tiêu chuẩn kỹ thuật thi công đối với các hạng mục thiết kế thì Bên B phải đảm bảo thi công đúng theo các tiêu chuẩn thi công hiện hành của Việt Nam.

- Mọi thay đổi về kỹ thuật thi công so với các quy định trong Hồ sơ thiết kế kỹ thuật công trình hoặc các tiêu chuẩn thi công hiện hành của Việt Nam đều phải được Bên B đề nghị bằng văn bản và phải được Bên A chấp thuận bằng văn bản trước khi áp dụng cho công trình.

5.3. Nghiệm thu:

- Sau khi hoàn thành từng công đoạn, hạng mục công trình và hoàn tất toàn bộ công trình, Bên B có trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện cần thiết để nghiệm thu và thông báo cho Bên A để tiến hành công tác nghiệm thu và hoặc nghiệm thu bàn giao. Nếu Bên A xét thấy Bên B thi công không đạt yêu cầu thì được quyền không ký vào biên bản nghiệm thu. Bên B phải làm lại các thiếu sót đã được phát hiện với chi phí khắc phục xong và được Bên A đồng ý mới được tiếp tục thi công.

- Sau khi thực hiện xong việc nghiệm thu hạng mục hoặc toàn bộ công trình, Bên A có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao hạng mục hoặc toàn bộ công trình từ Bên B và ký biên bản nghiệm thu bàn giao công trình để làm cơ sở cho công tác tạm ứng và thanh quyết toán hợp đồng.

5.4. Bảo hành công trình:

- Trong thời gian 01 năm bảo hành kể từ ngày bàn giao công trình. Bên B chịu trách nhiệm sửa chữa mọi hư hỏng do lỗi của công tác thi công trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Bên A.

- Nếu Bên B không chịu khắc phục hoặc khắc phục chậm trễ, gây hậu quả cho Bên A hoặc sự hư hỏng dẫn đến thiệt hại cho Bên A thì Bên A chủ động khắc phục. Trong trường hợp này, Bên A được bù đắp bằng cách khấu trừ tiền bảo hành của Bên B.

- Sau khi kết thúc thời gian bảo hành, Bên B đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ, khoản tiền bảo hành sẽ được trả cho Bên B.

- Bên B không chịu trách nhiệm bảo hành các hư hỏng do sử dụng không phù hợp gây ra. Trong trường hợp cần thiết, Bên B có thể mời một đơn vị giám định độc lập cùng tham gia đánh giá nguyên nhân tình trạng hư hỏng và thảo luận biện pháp sửa chữa.

ĐIỀU 6: QUYẾT TOÁN VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG.

6.1. Quyết toán hợp đồng:

- Ngay sau khi nghiệm thu tổng thể công trình để đưa công trình vào sử dụng, Bên B căn cứ vào hợp đồng, các phụ lục hoặc biên bản bổ sung hợp đồng (nếu có) và các biên bản xác nhận khối lượng phát sinh để lập quyết toán hợp đồng trình Bên A phê duyệt, Bên A có trách nhiệm

602
ĐƠN
NH
DỰ
ÁN
ĐƠN

3267
G T Y
EM H U
ÁP K
N K H
T. P Y

xem xét, phê duyệt hoặc có ý kiến phản hồi chính thức bằng văn bản cho Bên B trong vòng 07 ngày kể từ khi nhận được bản quyết toán hợp đồng do bên B đệ trình.

- Tổng giá trị quyết toán hợp đồng là giá trị của hợp đồng quy định ở điều 4.1 cộng thêm (hoặc khấu trừ) giá trị các hạng mục phát sinh đã được thỏa thuận giữa hai bên trong quá trình thi công.

- Chi phí cho các hạng mục công việc không được thỏa thuận trước giữa hai bên sẽ không được xem xét trong quá trình quyết toán hợp đồng.

- Sau thời gian 07 ngày kể từ khi Bên B trình cho Bên A bản quyết toán hợp đồng (hoặc bản điều chỉnh quyết toán hợp đồng theo yêu cầu của bên A) (Bên A xác nhận nhận được văn bản yêu cầu), nếu bên A không xem xét phê duyệt hoặc điều chỉnh và có ý kiến phản hồi chính thức bằng văn bản cho bên B thì xem như bên A đã chấp thuận giá trị quyết toán hợp đồng do bên B đệ trình và đồng ý sử dụng giá trị quyết toán này làm cơ sở cho việc thanh toán giữa hai bên.

6.2. Thanh lý hợp đồng:

- Tại thời điểm kết thúc thời hạn bảo hành, nếu không xảy ra các hư hỏng của công trình do bên B gây ra thì hai bên sẽ làm thủ tục thanh lý hợp đồng.

ĐIỀU 7: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN.

7.1. Trách nhiệm của bên A:

- Chuẩn bị các thủ tục cần thiết để bàn giao mặt bằng thi công, ranh giới khu đất và mốc trắc địa công trình cho bên B đúng thời hạn.

- Chịu trách nhiệm về quyền sở hữu hợp pháp về nhà đất trong khu vực thi công công trình và giải quyết kịp thời mọi tranh chấp nhà đất nếu có.

- Cung cấp đầy đủ hồ sơ thiết kế kỹ thuật công trình, hồ sơ xin phép xây dựng, giấy phép xây dựng, giấy phép sử dụng tạm thời lề đường và các hồ sơ giấy phép khác liên quan đến công tác thi công công trình khi bên B yêu cầu.

- Cung cấp cho bên B đầy đủ thông tin, nội dung liên quan đến công trình (nếu có) để phục vụ tốt cho công tác thi công.

- Tổ chức nghiệm thu công tác thi công xây lắp, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và nghiệm thu toàn bộ công trình đưa vào sử dụng.

- Tạm ứng và thanh quyết toán công trình đúng giá trị và thời hạn quy định tại điều 4 của hợp đồng này.

- Liên hệ với chính quyền địa phương hoặc các cơ quan chức năng liên quan cùng với bên B giải quyết kịp thời các vướng mắc (nếu có) trong suốt quá trình thi công công trình.

7.2. Trách nhiệm của bên B:

- Bên B phải có biện pháp thi công hợp lý để không làm ảnh hưởng đến những nhà xung quanh, mọi sự hư hỏng, thiệt hại gây ra tranh cãi, khiếu nại của những nhà xung quanh quá trình thi công gây ra bên B phải tự giải quyết (bên A được miễn trừ trách nhiệm này).

- Bên B phải chuẩn bị đầy đủ vật tư đúng chủng loại, quy cách và thiết bị và phương tiện thi công cần thiết và cung cấp vật tư thiết bị đến công trường đúng kế hoạch để đảm bảo việc thi

công đúng chất lượng và tiến độ thỏa thuận. Trong quá trình thi công bên B phải có biện pháp bao che công trình để đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường cho khu vực xung quanh.

- Cử người bảo vệ và trông coi vật tư trong suốt quá trình thi công.
- Thi công bảo đảm chất lượng tốt, đúng theo thiết kế và phù hợp với dự toán, đúng quy trình quy phạm, các yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật và tiêu chuẩn chất lượng xây lắp công trình. Bên B chịu trách nhiệm về kỹ thuật và chất lượng xây dựng toàn bộ công trình.

- Nếu bên B thi công không đúng theo bản vẽ thiết kế kỹ thuật và các quy trình quy phạm yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật và tiêu chuẩn chất lượng quy định trong Hồ sơ thiết kế kỹ thuật công trình do bên A cung cấp thì bên B phải có trách nhiệm tháo dỡ, đập bỏ và làm lại đúng như thỏa thuận trong hợp đồng và Hồ sơ thiết kế kỹ thuật công trình bằng kinh phí của bên B. Mọi thay đổi về thiết kế đều phải được sự đồng ý của đơn vị thiết kế và bên A.

- Thông báo kịp thời cho bên A bằng văn bản mọi vấn đề kỹ thuật phát sinh trong quá trình thi công hoặc các trở ngại khách quan khác để bên A. Bên B và đơn vị thiết kế phối hợp bàn bạc và thống nhất cách giải quyết.

- Lập nội quy công trường, tổ chức thi công khoa học và đảm bảo an toàn lao động trong phạm vi công trình.

- Tự tổ chức điều hành và quản lý thi công để đảm bảo tiến độ thi công đúng theo quy định tại điều 3 của hợp đồng này.

- Đảm bảo vấn đề vệ sinh môi trường, không gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự trong khu vực trong suốt quá trình thi công.

- Lập báo cáo nhật ký công trình hàng ngày để trình bên A xác nhận.

- Phối hợp thi công với các nhà thầu khác của bên A (nếu có) để đảm bảo công trình hoàn thành đúng thời hạn.

- Lập bản vẽ hoàn công, biên bản nghiệm thu theo đúng quy định.

Điều 8: BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

- Nếu bên B không đảm bảo chất lượng xây lắp cho hạng mục nào thì phải chịu toàn bộ mọi chi phí cho việc sửa chữa lại hạng mục đó.

- Nếu bên B phải tạm ngưng thi công hoặc các hạng mục bên B đang thi công dở dang bị hư hỏng do bên A chậm trễ trong việc kiểm tra, nghiệm thu, phê duyệt vật liệu, cung cấp thông tin, giải quyết vướng mắc phát sinh...v.v để bên B có thể tiếp tục công việc được bên A xác nhận trong nhật ký thì trong thời gian tạm ngưng bên B phải có trách nhiệm bảo quản hạng mục công việc đó thời gian tạm ngưng được cộng vào tiến độ thi công.

Điều 9: THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

- Hai bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề bất lợi gì phát sinh, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết bằng văn bản và chủ động thương lượng giải quyết theo hai bên cùng có lợi.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong hợp đồng này. Trong trường hợp nảy sinh tranh chấp, cả hai bên cùng nhau thương lượng và giải quyết trên tinh thần hiểu biết và

tôn trọng lẫn nhau. Nếu có phát sinh khối lượng thì hai bên thỏa thuận trên cơ sở đơn giá của Dự toán thi công đính kèm.

- Trường hợp không đạt được sự thống nhất trong quá trình tranh chấp, hai bên thống nhất đưa vấn đề tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án kinh tế TP.HCM theo khuôn khổ pháp luật nước Cộng Hòa XHCN Việt Nam. Toàn bộ các chi phí về kiểm tra giám định, lệ phí trọng tài, lệ phí đều do bên có lỗi chịu.

Điều 10: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG.

- Mọi sự sửa đổi hay bổ sung đối với bản hợp đồng này đều phải được sự đồng ý của cả hai bên. Đồng thời phải được ghi nhận bằng một phụ lục hợp đồng có giá trị pháp lý thay thế cho những điều khoản sửa đổi hay bổ sung của hợp đồng đã ký kết.

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã ký kết và không được đơn phương chấm dứt hợp đồng trừ trường hợp bất khả kháng: thiên tai, cháy nổ, do thay đổi về chính sách nhà nước. Nếu một trong hai bên vi phạm nghiêm trọng một phần hoặc toàn bộ các điều khoản của hợp đồng này làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên, bên bị vi phạm có quyền đòi chấm dứt hợp đồng sau khi đã thông báo trước bằng văn bản cho phía bên kia tối thiểu là 15 ngày, và mọi khoản nợ tồn đọng giữa hai bên đều phải được thanh toán xong trong vòng 15 ngày kể từ ngày chấm dứt hợp đồng.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi thanh toán hợp đồng.

- Hợp đồng này gồm 8 trang được lập thành bốn (04) bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ hai (02) bản, bên B giữ hai (02) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Lương Văn Bửu

ĐẠI DIỆN BÊN B



Ngô Văn Thành

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG

(Số 21 /HĐ-XD)

Về việc : THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: KHU QUY HOẠCH DÂN CƯ

P.TÂN PHONG – TP.BIÊN HÒA

HẠNG MỤC: XD PHẦN THÔ NHÀ VƯỜN LÔ A₀₃.

Địa điểm: P.Tân Phong – TP.Biên Hòa

I: Các căn cứ để ký kết hợp đồng :

- Căn cứ Luật xây dựng số 16/2003/QH 11 ngày 26/11/2003 của Quốc Hội khoá XI, kỳ họp thứ 4;
 - Căn cứ Luật dân sự số 33/2005/QH11 được QH khóa 11 kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14/06/2005 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2006.
 - Căn cứ vào năng lực của Cty TNHH XNK Nguyễn Khang.
- Hôm nay, ngày 12 tháng 5 năm 2015. Tại văn phòng, Chúng tôi gồm có :

II: Các bên ký hợp đồng :

1. Bên giao thầu (Gọi tắt là bên A)

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NHÀ ĐỒNG NAI

- | | | |
|---------------|--|--------------------|
| -Do Ông | : TRƯƠNG ĐÌNH HIỆP | Chức vụ : Giám đốc |
| -Địa chỉ | : 121 Đường Phan Chu Trinh - P. Quang Vinh - TP. Biên Hoà - ĐN | |
| -Điện Thoại | : 061.3847720 | Fax 061.3846112. |
| -Tài Khoản số | : 670.10.00.0000.83.7 tại Ngân hàng đầu tư và phát triển ĐN. | |
| -Mã số thuế | : 3600322445 | |

2. Bên nhận thầu (Gọi tắt là bên B) : **CTY TNHH XNK NGUYỄN KHANG**

- | | | |
|--------------|---|-------------------|
| - Ông: | : NGUYỄN VĂN KHÁ | Chức vụ: Giám đốc |
| - Địa chỉ | : 559 – Ng Đình Chiểu – P2 – Q3-TP.HCM | |
| - Tài khoản | : 050041106767 tại Ngân hàng SACOMBANK – CN Biên Hòa. | |
| - Mã số thuế | : 0312086267 | |
| - Điện thoại | : ☎ 090 2 321 661 | |

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT

HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU

Điều 1: Nội dung công việc và sản phẩm của hợp đồng :

Công trình: Khu quy hoạch nhà ở P.Tân Phong – TP.Biên Hòa, **Hạng mục: Xây dựng phần thô nhà vườn lô A₀₃**. Bên A giao cho bên B thực hiện thi công xây dựng, lắp đặt công trình theo đúng thiết kế được duyệt, được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 2: Chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật :

Phải thực hiện theo đúng thiết kế; bảo đảm sự bền vững và chính xác của các kết cấu xây dựng và thiết bị lắp đặt theo quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam.

Điều 3: Thời gian và tiến độ thực hiện :

Tiến độ thực hiện: **90 ngày** tính từ ngày có lệnh khởi công công trình

Ngày khởi công : ngày 12 tháng 5 năm 2015

Ngày kết thúc : ngày 12 tháng 8 năm 2015

Điều 4: Điều kiện nghiệm thu và bàn giao công trình xây dựng .

4.1. Điều kiện nghiệm thu :

- + Tuân thủ theo các quy định về quản lý chất lượng công trình ;
- + Bên A sẽ thực hiện nghiệm thu từng công việc xây dựng; từng bộ phận công trình xây dựng, giai đoạn thi công xây dựng; từng hạng mục công trình xây dựng;
- + Bên A chỉ nghiệm thu khi đối tượng nghiệm thu đã hoàn thành và có đủ hồ sơ theo quy định;
- + Công trình chỉ được nghiệm thu khi đảm bảo đúng yêu cầu thiết kế , đảm bảo chất lượng và đạt tiêu chuẩn theo quy định .

4.2. Điều kiện để bàn giao công trình đưa vào sử dụng:

- + Đảm bảo các yêu cầu về nguyên tắc, nội dung và trình tự bàn giao công trình đã xây dựng xong đưa vào sử dụng theo qui định của pháp luật về xây dựng.
- + Đảm bảo an toàn trong vận hành, khai thác khi đưa công trình vào sử dụng. Việc nghiệm thu bàn giao công trình xây dựng phải thành lập Hội đồng nghiệm thu bàn giao công trình, thành phần của Hội đồng nghiệm thu theo qui định của pháp luật về nghiệm thu, bàn giao công trình xây dựng.

Điều 5 : Bảo hành công trình .

5.1. Bên thi công xây dựng có trách nhiệm thực hiện bảo hành công trình sau khi bàn giao cho Chủ đầu tư. Nội dung bảo hành công trình bao gồm khắc phục, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng, khiếm khuyết hoặc khi công trình vận hành, sử dụng không bình thường do lỗi của nhà thầu gây ra;

5.2. Thời gian bảo hành là **12 tháng**. Tính từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng. Công tác bảo hành thực hiện theo nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của chính phủ.

Điều 6: Giá trị hợp đồng .

- Giá trị hợp đồng: **230.000.000 đồng (Đã có thuế GTGT)**
- Bằng chữ : **Hai trăm ba mươi triệu đồng chẵn.**
- + Giá trị giao nhận thầu là giá khoán gọn sẽ không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng , nếu bên B thi công theo đúng thiết kế được duyệt và đảm bảo chất lượng công trình.
- a/ Bổ sung, điều chỉnh khối lượng thực hiện so với hợp đồng :
 - Nếu khối lượng công việc phát sinh đã có đơn giá trong hợp đồng thì giá trị phần khối lượng phát sinh được tính theo đơn giá đó;
 - Nếu khối lượng công việc phát sinh không có đơn giá ghi trong hợp đồng thì phần khối lượng phát sinh được tính theo đơn giá tại địa phương nơi xây dựng công trình. Nếu không có đơn giá tại địa phương hai bên thống nhất xây dựng mức giá mới và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để áp dụng;
 - Nếu khối lượng công việc thay đổi (tăng hoặc giảm) so với hợp đồng lớn hơn 20% thì hai bên có thể thỏa thuận xác định đơn giá mới.
- b/ Nhà nước thay đổi chính sách : thay đổi tiền lương, thay đổi giá nguyên vật liệu do nhà nước quản lý giá, thay đổi tỷ giá hối đoái đối với phần vốn có sử dụng ngoại tệ hoặc thay đổi các chế

độ, chính sách mới làm thay đổi mặt bằng giá đầu tư xây dựng công trình. Trong trường hợp này chỉ được điều chỉnh khi được cấp có thẩm quyền cho phép.

c/ Trường hợp bất khả kháng do thiên tai như động đất, bão, lũ, lụt, lở đất, hỏa hoạn; chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh ... và các thảm họa khác chưa lường hết. Khi đó các bên tham gia hợp đồng thương thảo để xác định giá trị hợp đồng điều chỉnh phù hợp với các quy định pháp luật.

Điều 7: Phương thức thanh toán và thanh lý hợp đồng.

7.1 .Tạm ứng, Thanh toán hợp đồng :

- Căn cứ vào khối lượng hoàn thành, Bên A sẽ thanh toán cho bên B, Bên A chỉ chấp nhận thanh toán sau khi có xác nhận khối lượng của cán bộ giám sát kỹ thuật và đại diện chủ đầu tư, hồ sơ thanh toán được bên A phê duyệt.

- Khi hoàn thành công trình thanh toán **100%** giá trị quyết toán công trình hoặc giá trị hợp đồng nếu không có phát sinh.

7.2 .Hình thức thanh toán:

Thanh toán bằng chuyển khoản tiền đồng Việt Nam.

Điều 8: Bảo hiểm :

- Chủ đầu tư phải mua bảo hiểm công trình

- Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba.

Điều 9 : Tranh chấp và giải quyết tranh chấp :

- Trong trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết.

- Trường hợp không được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải, trọng tài hoặc tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 10: Bất khả kháng :

10.1 . Sự kiện bất khả kháng là: Sự việc xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ lụt, lở đất, sóng thần, hỏa hoạn; chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh,..... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam...

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải :

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra

+ Thông báo cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự việc bất khả kháng.

10.2 . Trong trường hợp xảy ra sự việc bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình

Điều 11: Tạm dừng hủy bỏ hợp đồng

11.1. Tạm dừng thực hiện hợp đồng :



-Do lỗi Bên giao thầu hoặc Bên nhận thầu gây ra;

-Các trường hợp bất khả kháng .

-Các trường hợp khác do hai bên thỏa thuận

Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi bên kia gây ra, nhưng phải báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng xây dựng đã ký kết; trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại.

Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thỏa thuận để khắc phục

11.2. Hủy bỏ hợp đồng :

a/ Một bên có quyền hủy bỏ hợp đồng mà không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện hủy bỏ mà các bên đã thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại;

b/ Bên hủy bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc hủy bỏ; nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên hủy bỏ hợp đồng phải bồi thường;

c/ Khi hợp đồng bị hủy bỏ, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị hủy bỏ và các bên phải hoàn trả nhau tài sản hoặc tiền;

Điều 12: Trách nhiệm và xử lý vi phạm:

12.1 .Phạt hợp đồng :

-Trường hợp kéo dài thi công mà không có lý do chính đáng, cứ chậm 01 tuần thì bên B sẽ bị phạt 0,5% giá trị phần vi phạm.

Tổng số mức phạt cho hợp đồng không vượt quá 12% giá trị khối lượng hợp đồng bị vi phạm tính ở thời điểm hết hạn thi công.

12.2. Trách nhiệm của hai bên A-B:

-Bên A

- Bàn giao mặt bằng xây dựng theo bản tiến độ thi công của bên B

-Cử cán bộ giám sát trong suốt quá trình thi công để giám sát chất lượng, khối lượng thi công, giải quyết những vướng mắc trong quá trình thi công và nghiệm thu từng đợt theo điểm dừng kỹ thuật quy ước.

-Thanh toán cho bên B theo đúng tiến độ đã thỏa thuận.

-Bên B:

- Chịu trách nhiệm chính về chất lượng, quản lý mặt bằng sau khi được giao ,thi công đúng tiến độ được lập.

- Nhật ký công trình do bên A phát hành, bên B có trách nhiệm giữ gìn ghi chép đầy đủ và phải xuất trình khi các cơ quan chức năng yêu cầu. Nhật ký công trình sẽ nộp kèm theo hồ sơ hoàn công cho bên A lưu giữ.

-Trong quá trình thi công khi cần lấy các mẫu thử (bê tông ,thép...) bên B tiến hành lấy mẫu theo đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật dưới sự giám sát của bên A và thử mẫu tại các đơn vị có chức năng, chi phí thử mẫu sẽ do bên B chịu. Bên A có quyền kiểm tra bất cứ lúc nào về tổ chức, chất lượng cũng như tiến độ công trình.

- Trước khi nghiệm thu công đoạn ,giai đoạn hoặc bàn giao công trình bên B chuẩn bị hồ sơ và các chứng nhận chất lượng, kết quả thí nghiệm chất lượng của vật tư hoặc thiết bị đo.

- Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về công tác đảm bảo an toàn giao thông an toàn cho các công trình xung quanh, đảm bảo an toàn lao động và phòng chống cháy nổ, tổ chức bảo vệ

an ninh trật tự vệ sinh môi trường khu vực thi công, không gây mất cảnh quan và làm ô nhiễm môi trường.

- Quá trình thi công sử dụng thiết bị, máy thi công đúng đủ về số lượng, chủng loại, tính năng, công suất, trình độ cán bộ, kỹ sư phải đúng chức danh nhân sự, kê khai trong hồ sơ trúng thầu.

- Bên B phải chịu trách nhiệm sửa chữa hư hỏng (nếu có) trong quá trình thi công và thời gian bảo hành công trình theo qui định. Hết thời gian bảo hành và trong chu kỳ khai thác đầu tiên nếu công trình có sự cố, sau khi xác định rõ nguyên nhân do thi công không đảm bảo chất lượng, Nhà thầu vẫn phải chịu trách nhiệm.

Điều 14: Điều khoản chung:

- Các phụ lục sau là một bộ phận không thể tách rời hợp đồng này .

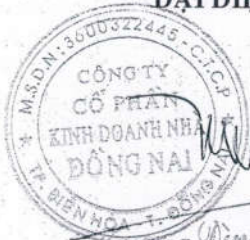
- a. Hợp đồng kinh tế
- b. Bản vẽ thiết kế
- c. Hồ sơ năng lực của Cty TNHH XNK Nguyễn Khang.

Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng .

- Hợp đồng làm thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 03 bản, bên B giữ 02 bản;

- Hiệu lực hợp đồng : Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký

ĐẠI DIỆN BÊN A



Trương Đình Hiệp

ĐẠI DIỆN BÊN B



Nguyễn Văn Khả



CTY TNHH XNK NGUYỄN KHANG
SỐ: 05/HĐKT-NK/2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

03080

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(V/v : Sơn, sửa chữa)

- Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc Hội khoá XI, kỳ họp thứ 4.
- Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/2/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.
- Căn cứ vào khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 12 tháng 01 năm 2015 tại CTY TNHH CHANGDAE VINA

I. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG :

1. Bên Giao Thầu (gọi tắt là bên A)

- Tên Đơn vị : CTY TNHH CHANGDAE VINA
- Đại Diện Ông : CHUN JAE HWAN Chức vụ : Tổng Giám Đốc.
- Địa Chỉ: Lô 306 đường 7A, KCN Long Bình (Amata), TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- MST : 3602387173

2. Bên nhận thầu (gọi tắt là bên B)

- Tên Đơn vị : CÔNG TY TNHH XNK NGUYỄN KHANG
- Đại Diện Ông : NGUYỄN VĂN KHÁ Chức vụ : Giám Đốc.
- Địa Chỉ: 39A, Cao Thắng, P2, Q3, TP. HCM
- MST : 0312086267
- ĐT : 061.3898622 – Fax : 0613.898623
- STK : 050041106767 tại: Sacombank – CN Biên Hòa

Sau khi thảo luận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng với những điều khoản như sau :

II. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG :

- Bên A đồng ý giao cho bên B thi công một số hạng mục, chi tiết theo như bảng báo giá đính kèm.
- Thời gian thực hiện hợp đồng là 07 ngày, kể từ ngày 13 tháng 01 năm 2015, đến ngày 19 tháng 01 năm 2015 Không kể những ngày mưa gió, thiên tai làm ảnh hưởng đến công việc thi công.
- Bên B có trách nhiệm che đậy khi thi công, bảo quản an toàn các vật dụng và thiết bị, dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ sau khi thi công hoàn tất.



- Thanh toán theo giá trị thực tế khối lượng hoàn thành.
- Bên B phải thực hiện theo sự chỉ đạo hướng dẫn của bên A.

III. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

- Giá trị hợp đồng giao thầu trước thuế là: **32.782.400 (Chưa bao gồm thuế VAT).**
- Bằng chữ: *Ba mươi hai triệu, bảy trăm tám mươi hai ngàn, bốn trăm đồng.*

IV. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:

- Hình thức thanh toán: bằng chuyển khoản.
- Sau khi bên B hoàn tất hết công việc, hai bên tiến hành nghiệm thu và đồng thời bên B xuất hóa đơn cho bên A. Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị hợp đồng. Sau 30 ngày làm việc bên A có trách nhiệm hoàn tất việc thanh toán cho bên B.

V. ĐIỀU KIỆN CHUNG :

- Bên A có trách nhiệm giao cho bên B mặt bằng thi công, trước thời gian thi công là một ngày và tạo điều kiện cho bên B hoàn thành công việc.
- Bên B có trách nhiệm hoàn thành công việc mà bên A giao cho, theo đúng thời gian trong hợp đồng.
- Bên B có trách nhiệm bảo hành công trình trong vòng 1 năm, tính từ ngày hai bên ký kết biên bản nghiệm thu công trình.
- Nếu có phát sinh hai bên cùng thương lượng giải quyết trên tinh thần hợp tác.
- Trong trường hợp hai bên không thể giải quyết trên tinh thần thương lượng được thì đưa ra pháp luật giải quyết.
- Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A



CHUN JAE HWAN

ĐẠI DIỆN BÊN B



Nguyễn Văn Khay

CTY TNHH XNK NGUYỄN KHANG
SỐ: 33 /HĐMB-NK/2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

HỢP ĐỒNG MUA BÁN XĂNG DẦU

Căn cứ Luật Thương Mại nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/06/2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006 và các văn bản có pháp lý liên quan;

- Căn cứ vào chức năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2016 tại Văn phòng CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU NGUYỄN KHANG, chúng tôi gồm có:

BÊN BÁN (Gọi tắt là bên A)

CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU NGUYỄN KHANG

- Địa chỉ : 352 Trường Sa, P.2, Q.Phú Nhuận, TP. HCM
- Điện thoại : 0613. 898622 - Fax: 0613. 898623
- Tài khoản số : 050041106767 - Tại NH: Sacombank – CN Biên Hòa.
- Mã số thuế : 0312086267
- Đại diện : Ông NGÔ VĂN THÀNH - Chức vụ: **P. Giám Đốc**

BÊN MUA (Gọi tắt là bên B)

CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ KAO – MENG(VIỆT NAM)

- Địa chỉ : KCN Long Bình(Amata), P. Long Bình, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai.
- Điện thoại : 0613.893867 - Fax :0613.893477
- Tài khoản số :
- Mã số thuế : 3600481734
- Đại diện : Ông CHAO TE YEN - Chức vụ: **P. Tổng Giám Đốc**

Sau khi bàn bạc thỏa thuận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng với các điều kiện và điều khoản sau:

ĐIỀU 1: TÊN HÀNG – SỐ LƯỢNG

Bên A đồng ý bán, Bên B đồng ý mua mặt hàng Dầu Diesel (DO) với số lượng theo khả năng của Bên B.

ĐIỀU 2: CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA

2.1 Chất lượng dầu Bên A bán cho Bên B đảm bảo phù hợp yêu cầu tiêu chuẩn chất lượng xăng dầu Việt Nam.

2.2 Bên B yêu cầu, Bên A có trách nhiệm cung cấp đơn hóa nghiệm ngay khi giao nhận xong từng lô hàng. Bên B sẽ lấy mẫu tại địa điểm nhận hàng để lưu làm bằng chứng cho lô hàng đó.

ĐIỀU 3: GIÁ CẢ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1. Giá cả: Bên A bán dầu cho Bên B với cơ cấu đơn giá thanh toán theo từng thời điểm được thể hiện trên hóa đơn GTGT bao gồm các thành phần sau:

- Giá hàng hóa do Bên A thông báo bằng (văn bản hoặc điện thoại) cho Bên B tại từng thời điểm phù hợp với tình hình thị trường, tuân thủ theo quy định của Nhà nước về quản lý giá xăng dầu. Đơn giá này được tính theo lít ở nhiệt độ thực tế của nhiên liệu khi giao nhận.

- Giá hàng hóa đã bao gồm các khoản lệ phí và thuế do nhà nước quy định.

- Thông báo giá và chính sách giá theo từng thời điểm được coi là một phụ lục không thể tách rời của hợp đồng và là cơ sở để thanh toán tiền hàng giữa hai bên.

3.2. Điều kiện thanh toán: Bên A cho bên B thanh toán chậm một đơn hàng (4.000 lít/xe). Ngày thanh toán là ngày 10 hàng tháng. Nếu đến hạn thanh toán mà Bên B chưa thanh toán thì bên B phải trả lãi suất bằng lãi suất vay thương mại quá hạn của Ngân hàng Ngoại Thương Vietcombank – CN Biên Hòa tại từng thời điểm cụ thể. Tuy nhiên thời gian quá hạn thanh toán không vượt quá 03 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán.

3.3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản qua ngân hàng.

3.4. Hóa đơn chứng từ: Hóa đơn bán hàng là hóa đơn GTGT do Bộ Tài Chính ban hành và cơ quan thuế chấp nhận. Các trường hợp có phát sinh liên quan đến số lượng và giá trị hàng hóa, hai bên có trách nhiệm thực hiện đầy đủ thủ tục điều chỉnh hóa đơn theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC ĐẶT HÀNG VÀ THỜI GIAN GIAO HÀNG

4.1. Đơn đặt hàng: Khi có nhu cầu mua hàng hóa, Bên B sẽ gửi cho Bên A đơn đặt hàng (bằng văn bản, fax hoặc email), nội dung đơn đặt hàng thể hiện rõ loại hàng hóa, số lượng, đơn giá, thời gian nhận hàng...

4.2. Xác nhận đơn đặt hàng: Trong thời hạn 02 (hai) ngày kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng, Bên A sẽ xác nhận cho Bên B bằng điện thoại hoặc văn bản (bản chính hoặc bản fax). Bên A không được có bất kỳ lý do gì không giao hàng cho bên B trừ những trường hợp bất khả kháng.

- Thời gian giao nhận hàng: Trong vòng 2 ngày sau khi xác nhận đơn đặt hàng.

- Địa điểm giao hàng: Theo địa chỉ của bên B.

- Phương thức giao nhận: lượng hàng giao nhận thực tế phải có biên bản giao nhận và có đại diện hai bên ký, làm cơ sở cho việc xuất hóa đơn tài chính và thanh toán hợp đồng.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN GIAO NHẬN

5.1 Hàng được xuất từ các kho của Bên A.

5.2 Số lượng hàng giao nhận là số giám định thể tích xăng dầu thực tế tại phương tiện vận chuyển bên A, căn cứ theo bản Barem dung tích cơ quan đo lường có thẩm quyền cấp và đang còn thời hạn hiệu lực. Tình trạng các con niêm khi làm thủ tục giao nhận phải còn giữ nguyên vẹn (không bị sứt, méo, sai khác với hình dáng ban đầu).

- Số lượng hàng giao nhận tính bằng lít, được cân trước và sau khi giao nhận dầu, qui đổi ra lít theo tỉ trọng của từng lô hàng được đo thực tế của nhiên liệu tại thời điểm giao nhận tại vị trí bên B nhận hàng.

- Nếu số lượng được quy đổi không bằng số lượng đặt hàng thì bên A sẽ giải quyết cho bên B, bên A chịu trách nhiệm thanh toán số tiền mà xe đã giao thiếu (bên B chuyển đủ số tiền như hóa đơn đã xuất). Ngược lại, nếu đạt được hay vượt số lượng đặt hàng thì bên B chỉ thanh toán theo đơn đặt hàng và không thanh toán hàng vượt. Tỷ lệ hao hụt cho phép trong quá trình giao nhận trong xăng dầu là 0.5% trên tổng số lượng đặt hàng.

5.3 Bên B có trách nhiệm kịp thời tiếp nhận hàng và giải phóng phương tiện vận chuyển của Bên A trong thời gian 02 giờ kể từ khi người đại diện của phương tiện vận chuyển thông báo cho Bên B về việc sẵn sàng giao hàng.

- Nếu phương tiện vận chuyển của Bên A đến địa điểm giao hàng theo thông báo của Bên B, nhưng vì lý do nào đó từ phía Bên B mà Bên B không tiếp nhận được hàng hoặc không đúng thời gian nhận hàng như đã nêu trên thì Bên B phải thanh toán cho Bên A mọi chi phí phát sinh gồm: cước phí vận chuyển đi về, hao hụt vận chuyển, bơm rót và tiền phạt lưu phương tiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và **CÔNG TY TNHH XNK NGUYỄN KHANG**.

5.4 Trường hợp vì lý do chất lượng mà Bên B không tiếp nhận hàng thì hai bên tiến hành lập biên bản và lấy mẫu chia thành ba chai, mỗi chai một lít: một chai mẫu giao Bên B giữ, một chai mẫu giao cho phương tiện vận chuyển, một chai chuyển cho cơ quan kiểm tra chất lượng do hai bên cùng thống nhất lựa chọn.

- Việc lấy mẫu thực hiện theo đúng tiêu chuẩn TCVN 6777-2000 (ASTM D4057-95). Các chai mẫu phải được đại diện Bên B và đại diện phương tiện vận chuyển cùng xác nhận trong biên bản và trên niêm phong.

- Kết quả kiểm tra chất lượng mẫu lấy tại phương tiện vận chuyển khi đến điểm giao hàng, mẫu gửi kèm theo phương tiện vận chuyển và mẫu lưu tại kho Bên A là cơ sở để xác định trách nhiệm về chất lượng lô hàng, bên nào có lỗi bên đó phải chịu mọi chi phí phát sinh, kể cả việc bồi thường cho bên thứ 3.

5.5 Điểm chuyển quyền sở hữu và trách nhiệm mọi rủi ro, tổn thất về chất lượng, số lượng hàng hóa từ Bên A sang Bên B được xác định là vị trí nơi ống tiếp nhận xăng dầu của Bên B với phương tiện vận chuyển của Bên A, tính từ thời điểm bắt đầu bốc dỡ hàng.

2086267

CÔNG TY
THANH NIỆM HỮU
KHANG
AT NHẬP K
UYỂN KH.

VIỆN - T. P.

34300

CÔNG
THANH NIỆM
CƠ K
AO-M
VIỆT N

HÓA - T

5.6 Bên B giới thiệu và ủy quyền bằng văn bản kèm theo Hợp đồng này những người có trách nhiệm để thực hiện việc giao nhận hàng hóa với Bên A.

ĐIỀU 6: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

6.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- Quyền được thanh toán theo đúng quy định tại Điều 3.2 của Hợp đồng này.
- Đảm bảo hàng hóa hoàn toàn phù hợp và đáp ứng tiêu chuẩn theo các quy định của pháp luật Việt Nam, sản phẩm không bị cấm lưu thông trên thị trường Việt Nam.
- Đảm bảo an toàn và chịu mọi rủi ro đối với hàng hóa cho đến khi hàng hóa được giao cho Bên B.
- Chịu trách nhiệm liên quan đến xuất xứ, nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm hàng hóa mà Bên A cung ứng cho Bên B.
- Giao hàng hóa, chứng từ hợp lệ về số lượng, chất lượng, thời gian và địa điểm đã thỏa thuận trong hợp đồng và các văn bản đính kèm.
- Cung cấp hóa đơn tài chính cho Bên B.

6.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- Gửi đơn đặt hàng cho Bên A với các nội dung theo quy định tại khoản 4.1 Điều 4 của Hợp đồng này;
- Có quyền từ chối nhận hàng hóa nếu hàng hóa giao không đúng chất lượng theo quy định tại Hợp đồng.
- Sắp xếp kho bãi (và dỡ hàng) theo lịch nhận hàng do hai bên thỏa thuận.
- Cử nhân viên nhận hàng tại kho của Bên B và phối hợp với Bên A trong việc kiểm tra chất lượng và số lượng của hàng hóa.
- Thanh toán cho Bên A theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN BẤT KHẢ KHÁNG

- Sự kiện bất khả kháng được hiểu là các sự kiện xảy ra ngoài tầm nhận biết và kiểm soát của bên bị tác động, bao gồm nhưng không giới hạn các sự kiện như thiên tai, chiến tranh (có tuyên bố hay không), đình công, nổi loạn, phá hoại, sự thay đổi trong chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước.
- Tình trạng khó khăn về tài chính, phá sản, giải thể hay tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi) không được xem là sự kiện bất khả kháng.
- Những vi phạm hợp đồng (loại trừ việc không thanh toán) của bất kỳ bên nào do nguyên nhân khách quan mang đến nằm ngoài khả năng kiểm soát của bên đó đều được coi là trường hợp bất khả kháng.
- Bên gặp bất khả kháng phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong vòng 24 giờ, nếu quá thời gian trên mà không có thông báo thì sẽ không được chấp nhận là bất khả kháng và vẫn coi là vi phạm hợp đồng.

ĐIỀU 8: HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

8.1 Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký kết đến hết ngày 31/12/2016.

8.2 Chấm dứt hợp đồng mua bán:

- Hợp đồng đã được thực hiện xong hoặc hết thời hạn hiệu lực nếu hai bên không có văn bản gia hạn thực hiện tiếp. Trong trường hợp này, hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo đúng qui định.

- Trong trường hợp một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia biết trước 30 ngày để cùng tiến hành các thủ tục cần thiết. Thỏa thuận chấm dứt hợp đồng trước thời hạn phải được lập thành văn bản được xác nhận của hai bên.

ĐIỀU 9 : ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Hai bên cam kết thực hiện những điều khoản trong hợp đồng trên tinh thần hợp tác cùng có lợi và không làm ảnh hưởng quyền lợi của nhau. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vướng mắc, trở ngại hoặc bất kỳ việc sửa đổi nào cũng phải được thực hiện bằng văn bản hoặc bằng fax/telex thảo luận giải quyết và được sự xác nhận của cả hai bên, không đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng.

Nếu có xảy ra tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng mà hai bên không tự thỏa thuận hoặc không giải quyết bằng thương lượng được, thì sẽ đưa ra Tòa án kinh tế TP.Hồ Chí Minh giải quyết. Phán quyết của tòa án là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc cho cả hai bên. Bên thua kiện sẽ chịu mọi phí tổn.

Tất cả các điều khoản và điều kiện không được nêu trong hợp đồng này sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Hợp đồng này được làm thành 04 bản có hiệu lực kể từ ngày ký, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau.



ĐẠI DIỆN BÊN A

Ngô Văn Thành



ĐẠI DIỆN BÊN B

[Signature]

NGUYỄN VĂN YẾN

